|  |  |
| --- | --- |
| BỘ XÂY DỰNG  **VỤ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG & VẬT LIỆU XÂY DỰNG**  Số: /TTr-KHCNMT&VLXD  **DỰ THẢO** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**    *Hà Nội, ngày tháng năm 2025* |

**TỜ TRÌNH**

**Dự thảo Thông tư quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật dịch vụ đăng kiểm phương tiện thủy nội địa**

Kính gửi: Bộ trưởng Bộ Xây dựng Trần Hồng Minh

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Quyết định số 417/QĐ-BXD ngày 15/4/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 của Bộ Xây dựng. Vụ Khoa học công nghệ, môi trường và Vật liệu xây dựng kính trình Bộ trưởng dự thảo Thông tư quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật dịch vụ đăng kiểm phương tiện thủy nội địa như sau:

**I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VĂN BẢN**

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

a) Cơ sở chính trị

- Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 20/5/2021 của Chính phủ về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, trong đó yêu cầu đẩy mạnh hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, định mức kinh tế - kỹ thuật phục vụ công tác quản lý nhà nước, phát triển hạ tầng, bảo vệ môi trường, đảm bảo an toàn giao thông;

- Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 17/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn 2045, trong đó nhấn mạnh yêu cầu hoàn thiện kết cấu hạ tầng, nâng cao năng lực khoa học - công nghệ, thúc đẩy phát triển ngành công nghiệp giao thông vận tải, đảm bảo an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường;

- Quy định số 178-QĐ/TW ngày 26 tháng 6 năm 2024 của Ban chấp hành trung ương Đảng Quy định kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong các công tác xây dựng pháp luật;

- Chỉ thị số 43-CT/TW ngày 10 tháng 4 năm 2025 của Ban chấp hành trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng về phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực thành pháp luật của Nhà nước;

- Kết luận số 105-KL/BCSĐ ngày 25 tháng 12 năm 2024 của Ban cán sự đảng bộ Giao thông vận tải Kết luận của Ban cán sự đảng Bộ Giao thông vận tải cho ý kiến về ban hành giá tối đa các dịch vụ kiểm định phương tiện vận tải.

b) Cơ sở pháp lý

- Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025;

- Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành [Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Luat-ban-hanh-van-ban-quy-pham-phap-luat-2025-so-64-2025-QH15-639239.aspx" \t "_blank);

- Luật Giá ngày 19 tháng 6 năm 2023: Theo Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá tại mục 8 Phụ lục 2 ban hành kèm theo Luật Giá thì Bộ Giao thông vận tải (nay là Bộ Xây dựng) là Cơ quan có thẩm quyền định giá tối đa đối với *“Dịch vụ kiểm định phương tiện vận tải bao gồm: dịch vụ đăng kiểm phương tiện giao thông, các tổng thành, hệ thống linh, kiện, phụ tùng của phương tiện giao thông; phương tiện, thiết bị thăm dò, khai thác, vận chuyển trên biển; phương tiện, thiết bị xếp dỡ, thi công chuyên dùng; máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động trong giao thông vận tải và trang bị, thiết bị kỹ thuật chuyên dùng.”* ;

- Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật giá: Điểm a khoản 2 Điều 28 của Nghị định số 85/2024/NĐ-CP thì các bộ, cơ quan ngang bộ có trách nhiệm: “*a) Ban hành văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền theo lĩnh vực quản lý để quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật (tên gọi chi tiết, chủng loại cụ thể hoặc đặc điểm cơ bản của hàng hóa, dịch vụ) trên cơ sở tên gọi chung của hàng hóa, dịch vụ trong Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá (ngoại trừ sản phẩm dịch vụ công sử dụng Ngân sách Nhà nước thực hiện theo phương thức đặt hàng, hàng dự trữ quốc gia và các hàng hóa, dịch vụ đã có quy định về đặc điểm kinh tế - kỹ thuật tại pháp luật có liên quan), Danh mục hàng hóa, dịch vụ bình ổn giá, Danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện kê khai giá được quy định tại Luật Giá và Nghị định này, phù hợp với yêu cầu công tác quản lý nhà nước về giá theo ngành, lĩnh vực;”*;

- Nghị định số 33/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng: Khoản 3 Điều 2 của Nghị định số 33/2025/NĐ-CP thì Bộ Xây dựng có nhiệm vụ, quyền hạn *“Ban hành thông tư và các văn bản khác thuộc phạm vi quản lý nhà nước của bộ; …”*;

- Thông tư số 48/2015/TT-BGTVT ngày 22 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng kiểm phương tiện thủy nội địa;

- Thông tư số 49/2015/TT-BGTVT ngày 22 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của lãnh đạo, đăng kiểm viên, nhân viên nghiệp vụ của đơn vị đăng kiểm phương tiện thủy nội địa;

- Thông tư số 42/2018/TT-BGTVT ngày 30 tháng 7 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số Điều của các Thông tư trong lĩnh vực đăng kiểm;

- Thông tư số 16/2022/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực đăng kiểm;

- Thông tư số 20/2022/TT-BGTVT ngày 29 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về các biểu mẫu giấy chứng nhận, sổ an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cấp cho tàu biển, ụ nổi, kho chứa nổi, giàn di động, phương tiện thủy nội địa và sản phẩm công nghiệp sử dụng cho phương tiện thủy nội địa;

- Thông tư số 29/2022/TT-BGTVT ngày 01 tháng 12 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Giao thông vận tải;

- Thông tư số 16/2023/TT-BGTVT ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về đăng kiểm phương tiện thủy nội địa;

- Thông tư số 27/2023/TT-BGTVT ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số Điều của các Thông tư trong lĩnh vực đăng kiểm phương tiện thủy nội địa và tàu biển;

- Thông tư số 02/2024/TT-BGTVT ngày 02 tháng 02 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định về tiêu chuẩn, nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của lãnh đạo, đăng kiểm viên, nhân viên nghiệp vụ của đơn vị đăng kiểm phương tiện thủy nội địa;

- Thông tư số 26/2024/TT-BGTVT ngày 02 tháng 7 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 20/2022/TT-BGTVT ngày 29 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về các biểu mẫu giấy chứng nhận, sổ an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cấp cho tàu biển, ụ nổi, kho chứa nổi, giàn di động, phương tiện thủy nội địa và sản phẩm công nghiệp sử dụng cho phương tiện thủy nội địa;

- Các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia có liên quan.

2. Cơ sở thực tiễn

- Cơ sở để xây dựng danh mục tên gọi chi tiết các đặc điểm kinh tế - kỹ thuật, đặc điểm cơ bản của từng tên gọi chi tiết đặc điểm kinh tế - kỹ thuật.

Theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 48/2015/TT-BGTVT ngày 22 tháng 09 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đăng kiểm phương tiện thủy nội địa, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2016, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 26/2020/TT-BGTVT, Thông tư số 16/2022/TT-BGTVT, Thông tư số 16/2023/TT-BGTVT. Nội dung công tác đăng kiểm phương tiện thủy nội địa bao gồm:

1. Thẩm định hồ sơ thiết kế và tài liệu hướng dẫn của tàu.

2. Kiểm tra chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường (sau đây gọi là kiểm tra), cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện thủy nội địa cho phương tiện nhập khẩu.

3. Kiểm tra và cấp các giấy chứng nhận cho sản phẩm công nghiệp sử dụng cho phương tiện.

4. Kiểm tra và cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện thủy nội địa cho phương tiện trong đóng mới, hoán cải, sửa chữa phục hồi.

5. Kiểm tra và cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện thủy nội địa cho phương tiện trong quá trình hoạt động.

6. Sao và thẩm định mẫu định hình.

Đối chiếu với quy định tại mục 8 Phụ lục II Luật Giá 2023 để quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của dịch vụ đăng kiểm phương tiện thủy nội địa, danh mục tên gọi chi tiết các đặc điểm kinh tế - kỹ thuật, đặc điểm cơ bản của từng tên gọi chi tiết đặc điểm kinh tế - kỹ thuật dịch vụ đăng kiểm phương tiện thủy nội địa theo quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia được xây dựng cụ thể tại Phụ lục kèm theo.

Tuy nhiên đối với công tác kiểm tra và cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện thủy nội địa cho phương tiện nhập khẩu thì các đặc điểm kinh tế - kỹ thuật đã có đầy đủ trong Khoản 4, Khoản 5 Điều 4 của Thông tư số 48/2015/TT-BGTVT, đối với công tác Kiểm tra và cấp các giấy chứng nhận cho sản phẩm công nghiệp sử dụng cho phương tiện thì các đặc điểm kinh tế - kỹ thuật đã được xây dựng trong dự thảo “Thông tư quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật dịch vụ kiểm định, kiểm tra sản phẩm công nghiệp sử dụng trên tàu biển, phương tiện thủy nội địa; đánh giá, chứng nhận năng lực cơ sở kiểm tra, thử trang thiết bị an toàn và cơ sở chế tạo sản phẩm công nghiệp; chứng nhận thợ hàn”; vì vậy, không xây dựng đặc điểm kinh tế - kỹ thuật của 02 công tác đăng kiểm nêu trên tại trong Thông tư này.

- Cở sở để xác định đơn vị tính đối với các đặc điểm kinh tế - kỹ thuật

Căn cứ theo các hạng mục kiểm tra và danh mục hồ sơ thiết kế kỹ thuật được quy định cụ thể tại các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đang áp dụng cho phương tiện thủy nội địa thì các hạng mục kiểm tra và danh mục hồ sơ thiết kế kỹ thuật được chia theo 02 nhóm chính theo chuyên ngành của đăng kiểm viên là: Đăng kiểm viên chuyên ngành máy vàu và Đăng kiểm viên chuyên ngành vỏ tàu. Vì vậy các đặc điểm kinh tế - kỹ thuật cũng được chia ra thành 02 nhóm dịch vụ gồm nhóm dịch phần vỏ và nhóm dịch vụ phần máy.

+ Đối với nhóm dịch vụ phần vỏ thì thời gian kiểm tra, thẩm định phụ thuộc vào kích thước chính của thân tàu. Vì vậy đơn vị tính của nhóm dịch vụ này được lấy là (m2).

+ Đối với nhóm dịch vụ phần máy thì thời gian kiểm tra, thẩm định phụ thuộc vào tổng công suất của các máy có trên phương tiện. Vì vậy đơn vị tính của nhóm dịch vụ này được lấy là (sức ngựa).

+ Đối với dịch vụ kiểm tra hoán cải nâng, hạ cấp, chạy vượt vùng, thay đổi công dụng và các hoán cải, sửa chữa nhỏ; dịch vụ thẩm định thiết kế tài liệu hướng dẫn, sản phẩm công nghiệp, hoán cải nhỏ, sửa đổi nhỏ: đơn vị tính là theo thời gian thực hiện.

Từ cơ sở chính trị, pháp lý và thực tiễn nêu trên, việc ban hành Thông tư của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật dịch vụ đăng kiểm phương tiện thủy nội địa là cần thiết và đủ cơ sở pháp lý.

**II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG VĂN BẢN**

1. Mục đích ban hành văn bản

Việc xây dựng, ban hành Thông tư này quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật dịch vụ đăng kiểm phương tiện thủy nội địa để bảo đảm thực hiện quy định pháp luật về giá (Luật Giá số 16/2023/QH15, Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật giá) và phục vụ công tác quản lý của Bộ Xây dựng trong hoạt động đăng kiểm.

2. Quan điểm xây dựng dự thảo văn bản

- Tuân thủ, cụ thể hóa quy định của Luật Giá số 16/2023/QH15 về Danh mục hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá.

- Kế thừa các quy định hiện hành đã được thực hiện ổn định, phù hợp về cơ bản đã đáp ứng yêu cầu thực tiễn trong thời gian qua.

- Đảm bảo tính hợp lý, thống nhất giữa các điều khoản của Thông tư, tính thống nhất của hệ thống pháp luật và tính khả thi trong thực hiện.

- Bảo đảm cung cấp thông tin kịp thời, chính xác, đầy đủ phục vụ hiệu quả cho hoạt động quản lý, chỉ đạo, điều hành trong lĩnh vực đăng kiểm.

**III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO VĂN BẢN**

1. Thực hiện Quyết định số 417/QĐ-BXD ngày 15/4/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 của Bộ Xây dựng, Cục ĐKVN đã ban hành Quyết định số 527/QĐ-ĐKVN ngày 15/4/2025 của Cục trưởng Cục Đăng kiểm Việt Nam ban hành Chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 của Cục Đăng kiểm Việt Nam và thành lập Tổ Soạn thảo xây dựng Thông tư quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật dịch vụ đăng kiểm tàu biển; phương tiện, thiết bị thăm dò, khai thác, vận chuyển dầu khí trên biển (Quyết định số 535/QĐ-ĐKVN ngày 15/4/2025).

2. Ngày 16/4/2025, Cục ĐKVN đã trình Bộ Xây dựng Đề cương chi tiết Thông tư quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật dịch vụ đăng kiểm phương tiện thủy nội địa (Công văn số 1741/ĐKVN-TS ngày 16/4/2025).

3. Ngày 17/4/2025, Bộ Xây dựng có Công văn số 2167/BXD-KHCNMT&VLXD về việc chấp thuận Đề cương chi tiết Thông tư quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật dịch vụ đăng kiểm phương tiện thủy nội địa.

4. Ngày 17/6/2025, Cục ĐKVN có Công văn số 3031/ĐKVN-TS về việc trình hồ sơ dự thảo Thông tư quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật dịch vụ đăng kiểm phương tiện thủy nội địa.

..........

Đến nay, Vụ Khoa học công nghệ, môi trường và Vật liệu xây dựng và Cục ĐKVN đã hoàn thiện hồ sơ dự thảo Thông tư quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật dịch vụ đăng kiểm phương tiện thủy nội địa.

**IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN**

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

a) Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật dịch vụ đăng kiểm phương tiện thủy nội địa.

b) Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến dịch vụ đăng phương tiện thủy nội địa.

2. Bố cục của dự thảo văn bản

Thông tư được bố cục gồm các phần chính như sau:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Điều 2. Đặc điểm kinh tế-kỹ thuật dịch vụ đăng kiểm phương tiện thủy nội địa

Điều 3. Điều khoản thi hành và tổ chức thực hiện

4. Nội dung cơ bản

a) Phạm vi điều chỉnh: “Thông tư này quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật dịch vụ đăng kiểm phương tiện thủy nội địa.”

b) Đối tượng áp dụng: “Thông tư này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến dịch vụ đăng phương tiện thủy nội địa.

d) Đặc điểm kinh tế - kỹ thuật dịch vụ đăng kiểm phương tiện thủy nội địa được quy định tại Phụ lục của dự thảo Thông tư, bao gồm gồm có 4 nhóm đặc điểm kinh tế -kỹ thuật thành phần và có 35 đặc điểm kinh tế - kỹ thuật chi tiết.

e) Thông tư không quy định thủ tục hành chính.

**V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH VĂN BẢN VÀ THỜI GIAN TRÌNH THÔNG QUA/BAN HÀNH**

1. Dự kiến nguồn lực, điều kiện bảo đảm cho việc thi hành văn bản

a) Dự kiến nguồn lực thi hành

Sau khi Thông tư được ban hành, dự kiến kinh phí triển khai Thông tư bao gồm: Kinh phí tuyên truyền, phổ biến Thông tư, kinh phí kiểm tra, giám sát thực hiện Thông tư được thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành của nguồn chi thường xuyên của Cục ĐKVN có thể đáp ứng và sẽ chủ động bố trí trong dự toán ngân sách hàng năm.

b) Điều kiện bảo đảm cho việc thi hành

- Tuyên truyền, phổ biến Thông tư: Cục ĐKVN, các đơn vị đăng kiểm trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ thực hiện tuyên truyền, phổ biến Thông tư kịp thời đến các cơ quan, tổ chức và người dân, giúp nắm bắt pháp luật kịp thời để thực hiện.

- Bảo đảm nguồn lực thực hiện:

+ Nguồn kinh phí thực hiện tuyên truyền, phổ biến Thông tư đã được nêu tại mục a) nêu trên;

+ Nguồn nhân lực thực hiện: Cục ĐKVN trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ bố trí lãnh đạo, chuyên viên có trách nhiệm phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức thực tuyên truyền, phổ biến Thông tư.

- Giám sát, kiểm tra, theo dõi thi hành Thông tư: Cục ĐKVN thực hiện kiểm tra, giám sát, theo dõi thi hành Thông tư theo quy định.

2. Thời gian trình thông qua/ban hành

Theo Quyết định số 417/QĐ-BXD ngày 15/4/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 của Bộ Xây dựng, thời gian trình Bộ và trình Bộ trưởng cụ thể như sau:

- Thời gian trình Bộ Xây dựng Đề cương chi tiết: trong tháng 4/2025.

- Thời gian trình Bộ Xây dựng dự thảo văn bản: trong tháng 6/2025.

- Thời gian trình Vụ Pháp chế - Bộ Xây dựng thẩm định dự thảo văn bản: tháng 8/2025.

- Thời gian trình Bộ trưởng: tháng 9/2025

Trên đây là Tờ trình về dự thảo Thông tư quy định đặc điểm kinh tế - kỹ thuật dịch vụ đăng kiểm phương tiện thủy nội địa, Vụ Khoa học công nghệ, môi trường và Vật liệu xây dựng xin kính trình Bộ trưởng Bộ Xây dựng xem xét, ban hành./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như trên;  - Cục ĐKVN (để p/h);  - Lưu: v.v. | **VỤ TRƯỞNG**  **Lê Trung Thành** |

**CƠ SỞ XÂY DỰNG DANH MỤC ĐẶC ĐIỂM KINH TẾ - KỸ THUẬT DỊCH VỤ ĐĂNG KIỂM PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA**

*(Kèm theo Tờ trình số ...../KHCN, MT& VLXD ngày tháng năm 2025 của Vụ Khoa học công nghệ, môi trường và Vật liệu xây dựng)*

# 1. Cở sở xây dựng danh mục đặc điểm kinh tế - kỹ thuật dịch vụ thẩm định hồ sơ thiết kế và tài liệu hướng dẫn của tàu

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên gọi chi tiết** | **Văn bản quy phạm pháp luật** | **Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia** |
| 1 | Thẩm định thiết kế đóng mới phần vỏ | - Khoản 1, Điều 4 Thông tư 48/2015/TT-BGTVT và các sửa đổi, bổ sung  - Điểm a, Khoản 3, Điều 3 Thông tư 48/2015/TT-BGTVT và các sửa đổi, bổ sung | - Mục 2.2 Phần 1B, Chương 2 của QCVN 72:2025/BGTVT |
| 2 | Thẩm định thiết kế đóng mới phần máy | - Khoản 1, Điều 4 Thông tư 48/2015/TT-BGTVT và các sửa đổi, bổ sung  - Điểm a, Khoản 3, Điều 3 Thông tư 48/2015/TT-BGTVT và các sửa đổi, bổ sung | - Mục 2.2 Phần 1B, Chương 2 của QCVN 72:2025/BGTVT |
| 3 | Thẩm định thiết kế lập hồ sơ phần vỏ | - Khoản 1, Điều 4 Thông tư 48/2015/TT-BGTVT và các sửa đổi, bổ sung  - Điểm b, Khoản 3, Điều 3 Thông tư 48/2015/TT-BGTVT và các sửa đổi, bổ sung | - Mục 2.2 Phần 1B, Chương 2 của QCVN 72:2025/BGTVT |
| 4 | Thẩm định thiết kế lập hồ sơ phần máy | - Khoản 1, Điều 4 Thông tư 48/2015/TT-BGTVT và các sửa đổi, bổ sung  - Điểm b, Khoản 3, Điều 3 Thông tư 48/2015/TT-BGTVT và các sửa đổi, bổ sung | - Mục 2.2 Phần 1B, Chương 2 của QCVN 72:2025/BGTVT |
| 5 | Thẩm định thiết kế mẫu định hình phần vỏ | - Khoản 1, Điều 4 Thông tư 48/2015/TT-BGTVT và các sửa đổi, bổ sung  - Điểm d, Khoản 3, Điều 3 Thông tư 48/2015/TT-BGTVT và các sửa đổi, bổ sung | - Mục 2.2 Phần 1B, Chương 2 của QCVN 72:2025/BGTVT |
| **TT** | **Tên gọi chi tiết** | **Văn bản quy phạm pháp luật** | **Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia** |
| 6 | Thẩm định thiết kế mẫu định hình phần máy | - Khoản 1, Điều 4 Thông tư 48/2015/TT-BGTVT và các sửa đổi, bổ sung  - Điểm d, Khoản 3, Điều 3 Thông tư 48/2015/TT-BGTVT và các sửa đổi, bổ sung | - Mục 2.2 Phần 1B, Chương 2 của QCVN 72:2025/BGTVT |
| 7 | Thẩm định thiết kế hoán cải, sửa đổi thay đổi 2 - 3 kích thước chính phần vỏ | - Khoản 1, Điều 4 Thông tư 48/2015/TT-BGTVT và các sửa đổi, bổ sung  - Điểm a, Khoản 3, Điều 3 Thông tư 48/2015/TT-BGTVT và các sửa đổi, bổ sung | - Mục 2.2, 2.4, 2.5 Phần 1B, Chương 2 của QCVN 72:2025/BGTVT |
| 8 | Thẩm định thiết kế hoán cải, sửa đổi thay đổi 2 - 3 kích thước chính phần máy | - Khoản 1, Điều 4 Thông tư 48/2015/TT-BGTVT và các sửa đổi, bổ sung  - Điểm a, Khoản 3, Điều 3 Thông tư 48/2015/TT-BGTVT và các sửa đổi, bổ sung | - Mục 2.2, 2.4, 2.5 Phần 1B, Chương 2 của QCVN 72:2025/BGTVT |
| 9 | Thẩm định thiết kế hoán cải, sửa đổi thay đổi 1 kích thước chính phần vỏ | - Khoản 1, Điều 4 Thông tư 48/2015/TT-BGTVT và các sửa đổi, bổ sung  - Điểm a, Khoản 3, Điều 3 Thông tư 48/2015/TT-BGTVT và các sửa đổi, bổ sung | - Mục 2.2, 2.4, 2.5 Phần 1B, Chương 2 của QCVN 72:2025/BGTVT |
| 10 | Thẩm định thiết kế hoán cải, sửa đổi thay đổi 1 kích thước chính phần máy | - Khoản 1, Điều 4 Thông tư 48/2015/TT-BGTVT và các sửa đổi, bổ sung  - Điểm a, Khoản 3, Điều 3 Thông tư 48/2015/TT-BGTVT và các sửa đổi, bổ sung | - Mục 2.2, 2.4, 2.5 Phần 1B, Chương 2 của QCVN 72:2025/BGTVT |
| 11 | Thẩm định thiết kế hoán cải, sửa đổi thay đổi máy chính phần vỏ | - Khoản 1, Điều 4 Thông tư 48/2015/TT-BGTVT và các sửa đổi, bổ sung  - Điểm a, Khoản 3, Điều 3 Thông tư 48/2015/TT-BGTVT và các sửa đổi, bổ sung | - Mục 2.2, 2.4, 2.5 Phần 1B, Chương 2 của QCVN 72:2025/BGTVT |
| **TT** | **Tên gọi chi tiết** | **Văn bản quy phạm pháp luật** | **Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia** |
| 12 | Thẩm định thiết kế hoán cải, sửa đổi thay đổi máy chính phần máy | - Khoản 1, Điều 4 Thông tư 48/2015/TT-BGTVT và các sửa đổi, bổ sung  - Điểm a, Khoản 3, Điều 3 Thông tư 48/2015/TT-BGTVT và các sửa đổi, bổ sung | - Mục 2.2, 2.4, 2.5 Phần 1B, Chương 2 của QCVN 72:2025/BGTVT |
| 13 | Thẩm định thiết kế hoán cải, sửa đổi tính nghiệm nâng, hạ cấp, chạy vượt vùng phần vỏ | - Khoản 1, Điều 4 Thông tư 48/2015/TT-BGTVT và các sửa đổi, bổ sung  - Điểm a, Khoản 3, Điều 3 Thông tư 48/2015/TT-BGTVT và các sửa đổi, bổ sung | - Mục 2.2, 2.4, 2.5 Phần 1B, Chương 2 của QCVN 72:2025/BGTVT |
| 14 | Thẩm định thiết kế hoán cải, sửa đổi tính nghiệm nâng, hạ cấp, chạy vượt vùng phần máy | - Khoản 1, Điều 4 Thông tư 48/2015/TT-BGTVT và các sửa đổi, bổ sung  - Điểm a, Khoản 3, Điều 3 Thông tư 48/2015/TT-BGTVT và các sửa đổi, bổ sung | - Mục 2.2, 2.4, 2.5 Phần 1B, Chương 2 của QCVN 72:2025/BGTVT |
| 15 | Thẩm định thiết kế hoán cải, sửa đổi nhỏ | - Khoản 1, Điều 4 Thông tư 48/2015/TT-BGTVT và các sửa đổi, bổ sung  - Điểm a, Khoản 3, Điều 3 Thông tư 48/2015/TT-BGTVT và các sửa đổi, bổ sung | - Mục 2.2, 2.4, 2.5 Phần 1B, Chương 2 của QCVN 72:2025/BGTVT |
| 16 | Thẩm định thiết kế tài liệu hướng dẫn | - Khoản 1, Điều 4 Thông tư 48/2015/TT-BGTVT và các sửa đổi, bổ sung | - Mục 1.1.6 Phần 2A, Chương 1 của QCVN 72:2025/BGTVT  - Mục 1.6 Phần 7, Chương 1 của QCVN 72:2025/BGTVT |
| 17 | Thẩm định thiết kế sản phẩm công nghiệp | - Khoản 1, Điều 4 Thông tư 48/2015/TT-BGTVT và các sửa đổi, bổ sung  - Điểm d, Khoản 3, Điều 3 Thông tư 48/2015/TT-BGTVT và các sửa đổi, bổ sung | - Mục 3.7.3 Phần 1B, Chương 3 của QCVN 72:2025/BGTVT |

# 2. Cở sở xây dựng danh mục đặc điểm kinh tế - kỹ thuật dịch vụ kiểm tra cho phương tiện trong đóng mới, hoán cải, sửa chữa phục hồi

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên gọi chi tiết** | **Văn bản quy phạm pháp luật** | **Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia** |
| 1 | Kiểm tra đóng mới phần vỏ | - Khoản 4, Điều 4 Thông tư 48/2015/TT-BGTVT và các sửa đổi, bổ sung  - Điểm a, Khoản 1, Điều 6 Thông tư 48/2015/TT-BGTVT và các sửa đổi, bổ sung | - Mục 2.3 Phần 1B, Chương 2 của QCVN 72:2025/BGTVT |
| 2 | Kiểm tra đóng mới phần máy | - Khoản 4, Điều 4 Thông tư 48/2015/TT-BGTVT và các sửa đổi, bổ sung  - Điểm a, Khoản 1, Điều 6 Thông tư 48/2015/TT-BGTVT và các sửa đổi, bổ sung | - Mục 2.3 Phần 1B, Chương 2 của QCVN 72:2025/BGTVT |
| 3 | Kiểm tra hoán cải, sửa chữa kích thước thân tàu | - Khoản 4, Điều 4 Thông tư 48/2015/TT-BGTVT và các sửa đổi, bổ sung  - Điểm d, Khoản 1, Điều 6 Thông tư 48/2015/TT-BGTVT và các sửa đổi, bổ sung | - Mục 2.3 Phần 1B, Chương 2 của QCVN 72:2025/BGTVT |
| 4 | Kiểm tra hoán cải thay đổi máy chính phần vỏ | - Khoản 4, Điều 4 Thông tư 48/2015/TT-BGTVT và các sửa đổi, bổ sung  - Điểm d, Khoản 1, Điều 6 Thông tư 48/2015/TT-BGTVT và các sửa đổi, bổ sung | - Mục 2.3 Phần 1B, Chương 2 của QCVN 72:2025/BGTVT |
| 5 | Kiểm tra hoán cải thay đổi máy chính phần máy | - Khoản 4, Điều 4 Thông tư 48/2015/TT-BGTVT và các sửa đổi, bổ sung  - Điểm d, Khoản 1, Điều 6 Thông tư 48/2015/TT-BGTVT và các sửa đổi, bổ sung | - Mục 2.3 Phần 1B, Chương 2 của QCVN 72:2025/BGTVT |
| 6 | Kiểm tra hoán cải nâng, hạ cấp, chạy vượt vùng, thay đổi công dụng và các hoán cải, sửa chữa nhỏ khác | - Khoản 4, Điều 4 Thông tư 48/2015/TT-BGTVT và các sửa đổi, bổ sung  - Điểm d, Khoản 1, Điều 6 Thông tư 48/2015/TT-BGTVT và các sửa đổi, bổ sung | - Mục 2.3 Phần 1B, Chương 2 của QCVN 72:2025/BGTVT |

# 3. Cở sở xây dựng danh mục đặc điểm kinh tế - kỹ thuật dịch vụ kiểm tra cho phương tiện trong quá trình hoạt động

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên gọi chi tiết** | **Văn bản quy phạm pháp luật** | **Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia** |
| 1 | Kiểm tra hàng năm phần vỏ | - Khoản 5, Điều 4 Thông tư 48/2015/TT-BGTVT và các sửa đổi, bổ sung  - Điểm b, Khoản 1, Điều 6 Thông tư 48/2015/TT-BGTVT và các sửa đổi, bổ sung | - Mục 4.2 Phần 1B, Chương 4 của QCVN 72:2025/BGTVT |
| 2 | Kiểm tra hàng năm phần máy | - Khoản 5, Điều 4 Thông tư 48/2015/TT-BGTVT và các sửa đổi, bổ sung  - Điểm b, Khoản 1, Điều 6 Thông tư 48/2015/TT-BGTVT và các sửa đổi, bổ sung | - Mục 4.2 Phần 1B, Chương 4 của QCVN 72:2025/BGTVT |
| 3 | Kiểm tra định kỳ phần vỏ | - Khoản 5, Điều 4 Thông tư 48/2015/TT-BGTVT và các sửa đổi, bổ sung  - Điểm b, Khoản 1, Điều 6 Thông tư 48/2015/TT-BGTVT và các sửa đổi, bổ sung | - Mục 4.4 Phần 1B, Chương 4 của QCVN 72:2025/BGTVT |
| 4 | Kiểm tra định kỳ phần máy | - Khoản 5, Điều 4 Thông tư 48/2015/TT-BGTVT và các sửa đổi, bổ sung  - Điểm b, Khoản 1, Điều 6 Thông tư 48/2015/TT-BGTVT và các sửa đổi, bổ sung | - Mục 4.4 Phần 1B, Chương 4 của QCVN 72:2025/BGTVT |
| 5 | Kiểm tra bất thường phần vỏ | - Khoản 5, Điều 4 Thông tư 48/2015/TT-BGTVT và các sửa đổi, bổ sung  - Điểm c, Khoản 1, Điều 6 Thông tư 48/2015/TT-BGTVT và các sửa đổi, bổ sung | - Mục 2.3.4 Phần 1A, Chương 2 của QCVN 72:2025/BGTVT |
| 6 | Kiểm tra bất thường phần máy | - Khoản 5, Điều 4 Thông tư 48/2015/TT-BGTVT và các sửa đổi, bổ sung  - Điểm c, Khoản 1, Điều 6 Thông tư 48/2015/TT-BGTVT và các sửa đổi, bổ sung | - Mục 2.3.4 Phần 1A, Chương 2 của QCVN 72:2025/BGTVT |
| **TT** | **Tên gọi chi tiết** | **Văn bản quy phạm pháp luật** | **Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia** |
| 7 | Kiểm tra trên đà phần vỏ | - Khoản 5, Điều 4 Thông tư 48/2015/TT-BGTVT và các sửa đổi, bổ sung  - Điểm b, Khoản 1, Điều 6 Thông tư 48/2015/TT-BGTVT và các sửa đổi, bổ sung | - Mục 4.5 Phần 1B, Chương 4 của QCVN 72:2025/BGTVT |
| 8 | Kiểm tra trên đà phần máy | - Khoản 5, Điều 4 Thông tư 48/2015/TT-BGTVT và các sửa đổi, bổ sung  - Điểm b, Khoản 1, Điều 6 Thông tư 48/2015/TT-BGTVT và các sửa đổi, bổ sung | - Mục 4.5 Phần 1B, Chương 4 của QCVN 72:2025/BGTVT |
| 9 | Kiểm tra trung gian phần vỏ | - Khoản 5, Điều 4 Thông tư 48/2015/TT-BGTVT và các sửa đổi, bổ sung  - Điểm b, Khoản 1, Điều 6 Thông tư 48/2015/TT-BGTVT và các sửa đổi, bổ sung | - Mục 4.3 Phần 1B, Chương 4 của QCVN 72:2025/BGTVT |
| 10 | Kiểm tra trung gian phần máy | - Khoản 5, Điều 4 Thông tư 48/2015/TT-BGTVT và các sửa đổi, bổ sung  - Điểm b, Khoản 1, Điều 6 Thông tư 48/2015/TT-BGTVT và các sửa đổi, bổ sung | - Mục 4.3 Phần 1B, Chương 4 của QCVN 72:2025/BGTVT |

# 4. Cở sở xây dựng danh mục đặc điểm kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sao và thẩm định mẫu định hình

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên gọi chi tiết** | **Văn bản quy phạm pháp luật** | **Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia** |
| 1 | Sao và thẩm định mẫu định hình phần vỏ | - Khoản 8, Điều 4 Thông tư 48/2015/TT-BGTVT và các sửa đổi, bổ sung |  |
| 2 | Sao và thẩm định mẫu định hình phần máy | - Khoản 8, Điều 4 Thông tư 48/2015/TT-BGTVT và các sửa đổi, bổ sung |  |